TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15/6/2018.
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH,
TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lưu Thị Tám

2. Ông Huỳnh Khởi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Ông Lâm Thanh Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2018/TLST-HNGĐ, ngày 19/3/2018 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23/5/2018, giữa các đương sự:

***** *Nguyên đơn*: Bà Đinh Thị A, sinh năm 1968 (có mặt).

***** *Bị đơn*: Ông Nguyễn Hoàng B, sinh năm 1971 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đinh Thị A thì vụ án có nội dung như sau*:

Nguyên đơn A và bị đơn B tự nguyện tổ chức đám cưới về sống chung vào tháng 4 năm 2004, trong quá trình sống chung, có hai con chung tên Nguyễn Đức C, sinh ngày 14/9/2005 và Nguyễn An D, sinh ngày 28/01/2008. Sau đó, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/10/2010.

Do tính tình không hợp và không cùng quan điểm sống nên vợ chồng sống chung không hạnh phúc. Từ đầu năm 2018 đến nay, vợ chồng không sống chung. Nguyên đơn A cho rằng hiện nay không còn tình cảm yêu thương bị đơn B và

cương quyết không về sống chung cùng bị đơn B. Vì vậy, nguyên đơn A khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng giải quyết để nguyên đơn A được ly hôn chồng là bị đơn B.

- *Về con chung*: Nguyên đơn A yêu cầu được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu bị đơn B cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn Nguyễn Hoàng B trình bày*: Ông thừa nhận nguyên đơn A trình bày về thời gian tổ chức đám cưới về sống chung, thời gian đăng ký kết hôn và con chung là đúng sự thật. Bị đơn B không đồng ý ly hôn, vì cho rằng còn tình cảm yêu thương nguyên đơn A, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn và mong muốn các con có đầy đủ cả cha và mẹ. Nếu theo quy định của pháp luật giải quyết vợ chồng phải ly hôn, thì bị đơn B yêu cầu được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu nguyên đơn A cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa như sau*:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A, giải quyết để nguyên đơn A được ly hôn chồng là bị đơn B. Giải quyết để nguyên đơn A được nuôi con gái nhỏ còn bị đơn B nuôi con trai lớn theo nguyện vọng của các con. Các đương sự không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết. Tài sản chung, nợ chung, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận họ tự nguyện tổ chức đám cưới về sống chung vào tháng 4 năm 2004, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/10/2010. Lời thừa nhận nêu trên của các đương sự phù hợp với giấy chứng nhận kết hôn do các đương sự cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là được ly hôn chồng bị đơn B vì cho rằng sống chung không hạnh phúc, bị đơn B không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn tình cảm yêu thương nguyên đơn A, mâu thuẫn vợ chồng chưa tới mức phải ly hôn và mong muốn các con có đủ cả cha và mẹ.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn A thì thấy rằng: Tình cảm vợ chồng phải được cả hai cùng vun đắp, xây dựng, không thể xuất phát từ một bên, vợ chồng các đương sự đã không sống chung từ đầu năm 2018 đến nay. Xét thấy, nguyên đơn A và bị đơn B không sống chung đã lâu, trong một thời gian dài các bên không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và không có biện pháp để vợ chồng đoàn tụ, mặc dù Tòa án đã tạo điều kiện hòa giải đoàn tụ 02 lần nhưng các đương sự không đoàn tụ được. Tại phiên tòa, nguyên đơn A trình bày không còn tình cảm yêu thương bị đơn B và cương quyết không sống chung với bị đơn B, thì không ai có quyền ép buộc nguyên đơn A phải sống chung cùng với bị đơn B. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định: Mâu thuẫn vợ chồng của các đương sự đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn A, tuyên bố nguyên đơn Đinh Thị A được ly hôn chồng là bị đơn Nguyễn Hoàng B.

[2] *Về con chung*: Các đương sự đều thừa nhận có 02 con chung tên Nguyễn Đức C, sinh ngày 14/9/2005 và Nguyễn An D, sinh ngày 28/01/2008. Các đương sự đều mong muốn được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con chung của các dương sự thì thấy rằng: Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng có sự chứng kiến của cả nguyên đơn A và bị đơn B (bút lục số 13,14,15,và 16) thể hiện cháu C có nguyện vọng sống chung với cha là bị đơn B còn cháu D có nguyện vọng sống chung với mẹ là nguyên đơn A sau khi cha mẹ ly hôn. Tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận hiện nay cháu D đang sống với mẹ là nguyên đơn A còn cháu C đang sống với cha là bị đơn B. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao cho nguyên đơn A tiếp tục, trực tiếp nuôi con gái nhỏ tên Nguyễn An D và giao cho bị đơn B tiếp tục, trực tiếp nuôi con trai lớn tên Nguyễn Đức C là hợp tình, hợp lý đúng quy định của pháp luật và cũng là đúng theo nguyên vọng của các con. Do các đương sự không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nguyên đơn A và bị đơn B được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định tại Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình, không ai được cản trở các đương sự thực hiện quyền này.

[3] *Về tài sản chung*: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] *Về nợ chung*: Không có, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận như những căn cứ và phân tích nêu trên.

[5] *Án phí sơ thẩm*: Nguyên đơn A phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 56 vả Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đinh Thị A.

1. *Về quan hệ hôn nhân*:

Nguyên đơn Đinh Thị A được ly hôn chồng là bị đơn Nguyễn Hoàng B.

2. *Về con chung*:

- Nguyên đơn A được tiếp tục, trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn An D, sinh ngày 28/01/2008 đến khi đủ 18 tuổi.

- Bị đơn B được tiếp tục, trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Đức C, sinh ngày 14/9/2005 đến khi đủ 18 tuổi.

- Nguyên đơn A và bị đơn B không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Nguyên đơn A và bị đơn B được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở các đương sự thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung*: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Không có, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

5. *Án phí*: Nguyên đơn A phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm mà nguyên đơn A đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng theo biên lai thu tiền số 0001079, ngày 19/3/2018, nguyên đơn A đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Nam Trung